TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 13/12/2017
V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

2/ Ông Bùi Thế Hanh.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐXX- ST ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã D, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* **Chị Lê Thị Kim A,** sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 26/9/2017, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Lê Thị Kim A kết hôn có được tự do, tự nguyện tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D ngày 07/4/2016. Sau khi kết hôn, chị Kim A về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Quá trình chung sống, anh xác định anh và chị Kim A có mâu thuẫn từ khi cưới đồng thời do hai bên không hợp nhau cho nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị Kim A tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 9 năm 2016, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không

còn quan tâm đến nhau. Anh cũng không gọi điện hỏi thăm hay sang đón chị Kim A về đoàn tụ vì anh xác định không còn tình cảm vợ chồng gì với chị Kim A nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Kim A không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Kim A. Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn chị Kim A.

Bị đơn chị Lê Thị Kim A trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Tkết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D như anh T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh Tlàm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc từ khi kết hôn được khoảng 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị xác định là do anh T có người thứ ba và không quan tâm đến chị trong thời gian chị có bầu, sinh con, cho nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đồng thời do anh T nghi ngờ gia đình chị thuê người đánh anh T nên hai vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2016, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không bên nào quan tâm đến bên nào. Từ khi chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở anh T cũng không gọi điện hay sang đón chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T vẫn còn nên việc anh T có đơn xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn, chị xin về đoàn tụ để con cái có gia đình đầy đủ bố mẹ.

Về con chung: Anh T và chị Kim A đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo C, sinh ngày 04/8/2016 hiện đang ở với chị Kim A và phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh T và chị Kim A đều đồng ý và đề nghị giải quyết để chị Kim A tiếp tục nuôi dưỡng con chung của vợ chồng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị Kim A mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), chị Kim A yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Anh T và chị Kim A đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. **Về tố tụng**: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2017 của anh Nguyễn Văn T đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp**: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Kim Akết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của anh T thấy rằng: qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: vợ chồng anh T, chị Kim A từ khi kết hôn đã có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được và sớm phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc chị nghi ngờ anh có quan hệ với người khác, không quan tâm gì đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, còn anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng do vậy tháng 11 năm 2016 chị Kim A đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù việc anh T có đơn xin ly hôn, chị Kim A không đồng ý do xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn chị xin về đoàn tụ nhưng chị cũng xác định từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay hai bên không còn quan hệ qua lại tình cảm và quan tâm gì đến nhau nữa, chị cũng không chủ động có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Qua xác minh địa phương cung cấp vợ chồng anh T và chị Kim A mâu thuẫn đã lâu, thời gian ly thân dài nêu khả năng vợ chồng đoàn tụ được là khó. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Kim A đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho anh T được ly hôn chị Kim A là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của anh T cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng: anh T và chị Kim A đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo C, sinh ngày 04/8/2016 hiện đang ở với chị Kim A và phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh T và chị Kim A đều đồng ý và đề nghị giải quyết để chị Kim A tiếp tục nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Xét thấy việc anh T tự nguyện đồng ý và đề nghị giao con chung cho chị Kim A tiếp tục nuôi dưỡng, chị Kim A cũng đề nghị được nuôi con chung, khi vợ chồng ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật. Hơn nữa do cháu C hiện đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ cần giao Nguyễn Bảo C cho chị Kim A nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Cho nên đề nghị của anh Tvà yêu cầu nuôi con của chị Kim Acần được chấp nhận. Anh T được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Xét yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của anh T, chị Kim A thấy rằng: qua chứng cứ do các bên xuất trình được biết: anh T hiện là bộ đội, thu nhập bình quân được 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm lăm mươi nghìn đồng) một tháng, chị Kim A là công nhân Công ty Sam Sung thu nhập bình quân được 4.000.000đ một tháng. Theo các văn bản pháp luật hiện hành quy định mức cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng khi ly hôn tối thiểu bằng một

phần hai mức lương cơ bản của nhà nước, mức lương cơ bản nhà nước đang áp dụng là 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng). Do vậy việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, do vậy cần được chấp nhận. Cho nên yêu cầu của chị Kim A yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: anh T và chị Kim A đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[3]. Tại phiên tòa hôm nay, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 144, Điều 146, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Lê Thị Kim A.

Về con chung: Giao chị Lê Thị Kim A trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 04/8/2016. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Kim A mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001803 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Anh Nguyễn Văn Tcòn phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 , Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Lê Thị Kim A.

Về con chung: Giao chị Lê Thị Kim A trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 04/8/2016. Anh Nguyễn Văn Tài có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Kim A mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001803 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Anh Nguyễn Văn Tcòn phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh BG*
- *VKSNDHiệp Hoà*
- *THADS Hiệp Hoà;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Danh Thắng;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn